

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ XUÂN HOÀN

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG
TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG
QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Tài chính – ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **GS-TS. NGUYỄN VĂN NAM**

Phản biện 1: PGS. TS. NGUYỄN NGỌC VŨ

Phản biện 2: TS. TRẦN NGỌC SƠN

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ, xu hướng tự do hoá trong lĩnh vực tài chính đã tạo nhiều cơ hội cho các NHTM mở rộng hoạt động về mặt địa lý, giúp cho các ngân hàng hạn chế được những tổn thương do những thay đổi điều kiện kinh tế trong nước. Tuy nhiên, sự cạnh tranh gay gắt giữa các tổ chức tài chính trên phạm vi toàn cầu cũng tạo ra một thị trường tài chính rủi ro hơn. Trong bối cảnh đó, không một ngân hàng hay định chế tài chính nào có thể tồn tại lâu dài mà không có hệ thống quản trị rủi ro hữu hiệu. Đối với hoạt động ngân hàng, việc xây dựng một hệ thống quản trị nói chung và quản trị rủi ro tín dụng nói riêng có vai trò sống còn.

Tín dụng là hoạt động đóng vai trò quan trọng nhất của NHTM Việt Nam hiện nay, hoạt động Tín dụng mang lại thu nhập chính (60-80% thu nhập từ hoạt động tín dụng) cho các NHTM. Tuy nhiên, hoạt động tín dụng là hoạt động chứa đựng nhiều rủi ro nhất. Vì vậy, hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro tín dụng là góp phần giảm thiểu rủi ro tín dụng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các NHTM.

Sau nhiều sự kiện đổ vỡ xảy ra cho ngành ngân hàng như Tamexco, Epcó-Minh Phụng và gần đây là hàng loạt vụ việc lừa đảo ngân hàng chiếm đoạt hàng tỷ đồng, chứng tỏ công tác quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, việc chọn đề tài “*Quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam*” cho luận văn tốt nghiệp là rất cần thiết, với mong muốn hoàn thiện lý luận chuyên môn của bản thân, tiếp

cận nghiên cứu thực trạng quản trị rủi ro tín dụng và bước đầu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam.

2. Đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu chính là “Quản trị rủi ro tín dụng”.

Các đối tượng hỗ trợ khác như: “Rủi ro tín dụng, hậu quả, nội dung và phương pháp quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế và thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập”.

Phạm vi nghiên cứu:

– Nội dung và phương pháp quản trị rủi ro tín dụng đối với các NHTM.

– Thực trạng trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công thương Quảng Nam

– Chủ yếu đề cập tới việc hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro tín dụng của Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam.

Mục đích nghiên cứu:

– Hệ thống hoá lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng của các NHTM.

– Định hình và hệ thống các dạng thức về thực trạng trong công tác quản trị rủi ro tín dụng.

– Từ đó, đề ra các giải pháp hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro tín dụng đối với Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam nói riêng và đối với các NHTM nói chung.

3. Tình hình nghiên cứu đề tài:

Ở nước ngoài, các vấn đề có liên quan đến rủi ro tín dụng và chính sách quản trị rủi ro tín dụng đối với các ngân hàng đã được xác

lập từ rất lâu và dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng trong điều kiện nền kinh tế luôn vận động, việc nghiên cứu rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng vẫn rất được quan tâm và đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết.

Ở nước ta, các đề tài nghiên cứu rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng đối với các NHTM luôn được quan tâm và hiện nay vẫn mang tính thời sự cấp bách, cần tiếp tục hoàn thiện các luận cứ khoa học và thực tiễn.

4. Kết cấu luận văn:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng.

Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam.

Chương 3: Giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

1.1 RỦI RO TÍN DỤNG

1.1.1 Khái niệm về rủi ro tín dụng

Tuy có rất nhiều các khái niệm khác nhau về rủi ro tín dụng nhưng có thể tổng hợp lại như sau:

“Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng vốn có được tạo ra khi ngân hàng cấp tín dụng cho một khách hàng. Có nghĩa là khả năng khách hàng không trả được nợ theo hợp đồng gắn liền với mỗi khoản tín dụng ngân hàng cấp cho họ. Hoặc nói một cách cụ thể hơn, thu nhập dự tính mang lại từ các tài sản có sinh lời của ngân hàng có thể không được hoàn trả đầy đủ xét cả về mặt giá trị và thời hạn”.

1.1.2 Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng

Một là, do yếu tố nguồn nhân lực

Hai là, yếu tố kỹ thuật

Ba là, yếu tố thị trường, yếu tố khách hàng

Bốn là, môi trường kinh tế, pháp lý

1.1.3 Hậu quả của rủi ro tín dụng

Đối với nền kinh tế: Hoạt động ngân hàng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, các ngành và các cá nhân. Vì vậy, khi một ngân hàng gặp phải rủi ro tín dụng dẫn đến bị phá sản thì người gửi tiền ở các ngân hàng khác hoang mang lo sợ và kéo nhau ồ ạt đến rút tiền ở các ngân hàng khác, làm cho toàn bộ hệ thống ngân hàng gặp khó khăn. Ngân hàng phá sản sẽ ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với ngân hàng: Khi gặp rủi ro tín dụng, ngân hàng không

thu được vốn tín dụng đã cấp và lãi cho vay, nhưng ngân hàng phải trả vốn và lãi cho khoản tiền huy động đến hạn, điều này làm cho ngân hàng mất cân đối thu chi, khi không thu được nợ thì vòng quay vốn tín dụng giảm làm cho ngân hàng kinh doanh không hiệu quả.

1.2 QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

1.2.1 Khái niệm

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, các chính sách quản lý và kinh doanh tín dụng nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời, phải tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp nợ quá hạn, nợ xấu trong kinh doanh tín dụng, từ đó tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh cả trong ngắn hạn và dài hạn của NHTM.

1.2.2 Mục tiêu của quản trị rủi ro tín dụng

Quản trị rủi ro tín dụng phải nhằm vào việc hạ thấp rủi ro tín dụng, nâng cao mức độ an toàn cho kinh doanh của mỗi NHTM bằng các chính sách, các biện pháp quản lý, giám sát các hoạt động tín dụng khoa học và hiệu quả.

1.2.3 Một số yêu cầu trong quản trị rủi ro tín dụng

1.2.3.1 Trách nhiệm của Ban điều hành

1.2.3.2 Chiến lược quản trị rủi ro tín dụng

1.2.3.3 Tổ chức hoạt động tín dụng

- > *Sự tách bạch chức năng.*
- > *Nguyên tắc bỏ phiếu trong quyết định cho vay.*
- > *Đảm bảo nguyên tắc kiểm soát nội bộ.*
- > *Quy trình hoạt động tín dụng với nhiều công đoạn xử lý.*
- > *Hệ thống thông tin báo cáo.*
- > *Hệ thống lưu trữ, hệ thống thông tin.*

1.2.3.4 Quy trình xếp loại rủi ro

1.2.3.5 Kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài

1.2.4 Các biện pháp cơ bản trong quản trị rủi ro tín dụng

Xây dựng và hoàn thiện chính sách tín dụng an toàn và hiệu quả, vừa đáp ứng được các tiêu chuẩn pháp lý vừa đảm bảo đạt được các mục tiêu kinh doanh của mỗi NHTM.

Áp dụng các mô hình đo lường, đánh giá rủi ro truyền thống và hiện đại trong phân tích và đánh giá rủi ro tín dụng .

Nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ ngân hàng nói chung và các cán bộ tín dụng nói riêng.

Hoàn thiện mô hình bộ máy quản trị điều hành.

Xây dựng các chế tài để đảm bảo rằng các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Hoàn thiện quy trình cho vay và quản lý tín dụng.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tín dụng.

Tuân thủ quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng .

1.3 KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

Tại Thái Lan

Tại Hồng Kông

Tại Hàn Quốc

1.4 BÀI HỌC CHO CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

Phải tách bạch, phân công rõ chức năng các bộ phận và tuân thủ các khâu trong quy trình giải quyết các khoản vay.

Tuân thủ nghiêm ngặt các vấn đề có tính nguyên tắc trong hoạt

động tín dụng và thẩm quyền phán quyết tín dụng.

Xây dựng và ứng dụng hiệu quả các mô hình quản trị rủi ro với bộ máy quản trị điều hành thông suốt, thông tin phòng ngừa rủi ro chất lượng.

Hoàn thiện hệ thống thông tin và các mô hình chấm điểm xếp loại khách hàng hỗ trợ cho công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro.

Tuân thủ đúng các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Chương 2

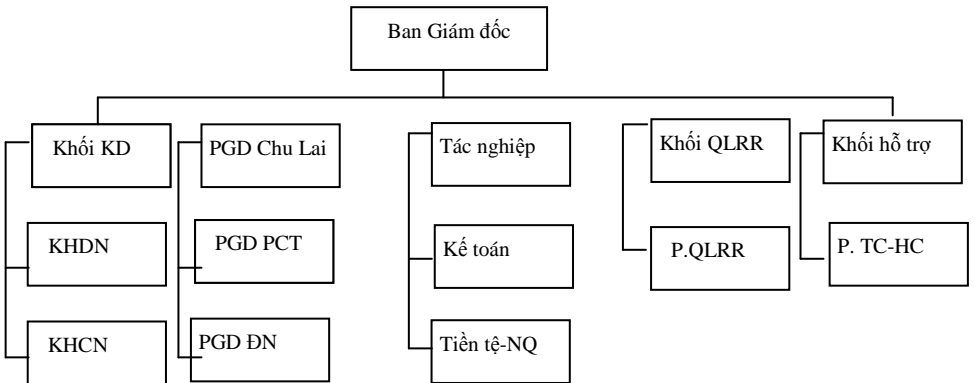
THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CHI NHÁNH NHTM CP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM

2.1 GIỚI THIỆU VỀ CHI NHÁNH NHTMCP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1.3 Mô hình tổ chức



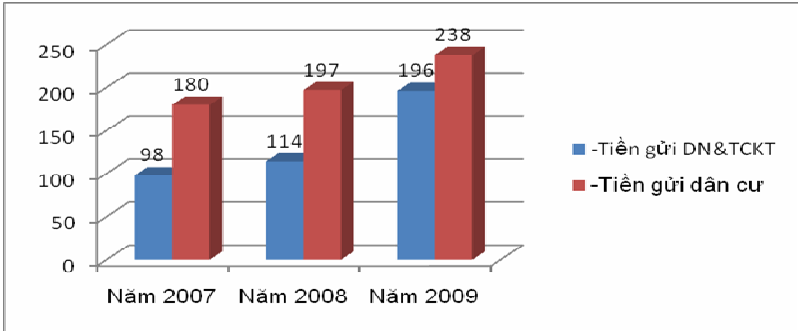
2.1.4 Tình hình hoạt động tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công thương Quảng Nam từ năm 2007 - 2009

2.1.4.1 Nguồn vốn

ĐVT : tỷ đồng

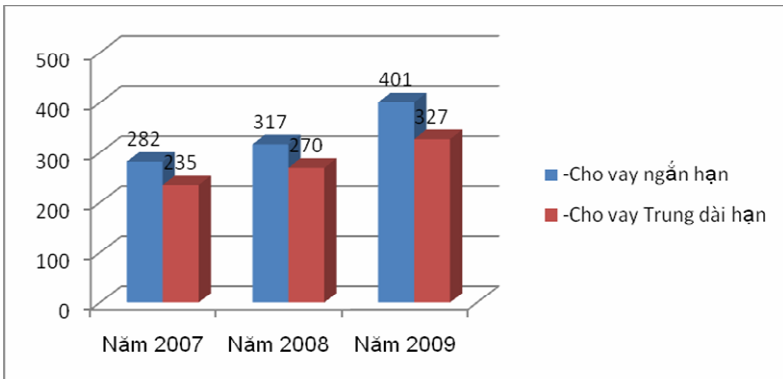
Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng NV huy động	278	311	434
- Tiền gửi DN&TCKT	98	114	196
- Tiền gửi dân cư	180	197	238

Đơn vị: Tỷ đồng

**Biểu đồ 2.1. Nguồn vốn huy động từ năm 2007 - 2009****2.1.4.2 Hoạt động tín dụng và đầu tư**

ĐVT : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng DN cho vay	517	587	728
- Cho vay ngắn hạn	282	317	401
- Cho vay Trung dài hạn	235	270	327

**Biểu đồ 2.2. Hoạt động tín dụng và đầu tư từ năm 2007-2009**

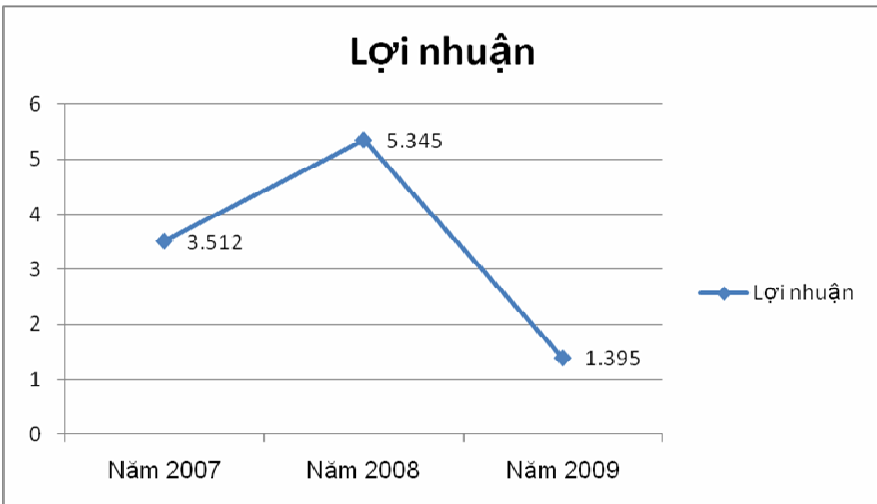
2.1.4.3 Tình hình cung ứng các dịch vụ khác

Thanh toán quốc tế

Chuyển tiền kiều hối, thanh toán thẻ tín dụng, séc du lịch, thẻ ATM, dịch vụ cho thuê kết sắt .

2.1.4.4 Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng



Biểu đồ 2.3. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh

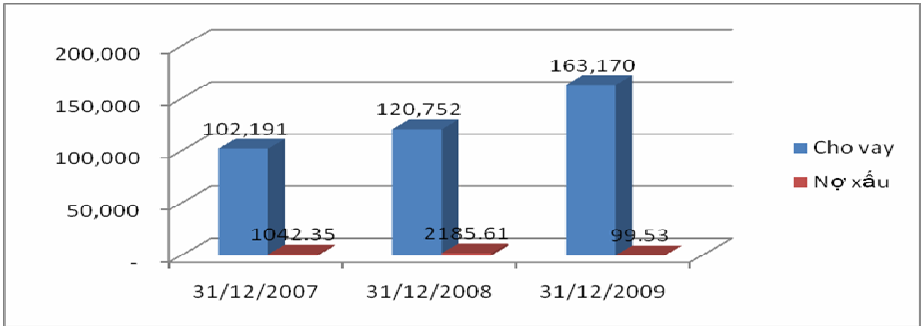
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CHI NHÁNH NHTMCP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM

2.2.1 Thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam từ năm 2007 - 2009

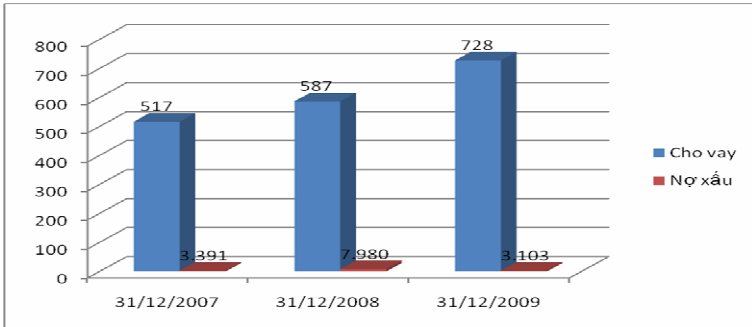
Bảng 2.1. Các chỉ số tài chính chủ yếu

ĐVT: Tỷ đồng.

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Tổng tài sản	166.112	193.590	243.785
Cho vay	102.191	120.752	163.170
Vốn CSH	10.646	12.336	12.572
VTC/TSC rủi ro	11,62%	9,8%	8,06%

**Biểu đồ 2.4. Nợ xấu của NHTMCP CTVN từ năm 2007-2009**

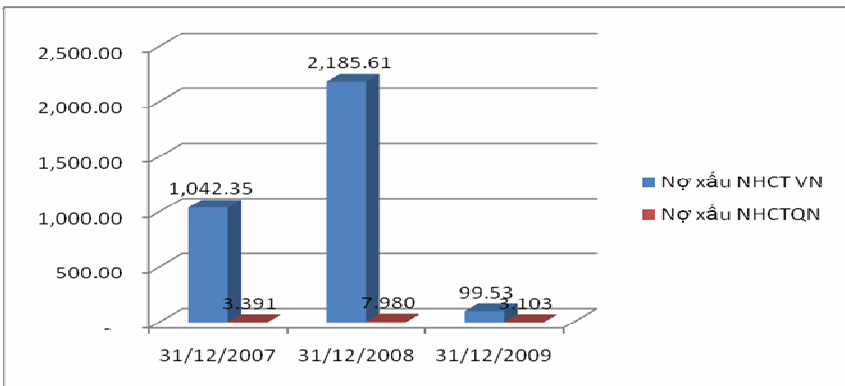
Đến cuối năm 2009, thì tổng nợ quá hạn trên tổng dư nợ cho vay nền kinh tế của Chi nhánh là 0,43%, tỷ lệ này thực tế là rất thấp vì cũng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN thì nợ xấu (nhóm 3, 4, 5) chiếm khoảng từ 2 - 5% là một tỷ lệ chấp nhận được.

**Biểu đồ 2.5. Nợ xấu của Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam từ năm 2007-2009**

**Bảng 2.2. Tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ tại Chi nhánh NHTMCP
Công Thương Quảng Nam**

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Tổng Dư nợ	517	587	728
Nợ Quá hạn	3,391	7,980	3,103
NQH/Tổng dư nợ	0,66%	1,36%	0,43%



**Biểu đồ 2.6. Tỷ lệ nợ xấu của Chi nhánh /nợ xấu của
NHTMCP CTVN**

2.2.2 Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam

*Thứ nhất, chú trọng xây dựng chính sách tín dụng an toàn
và hiệu quả*

Về lợi nhuận

Sự an toàn

Sự lành mạnh

Thứ hai, hoàn thiện mô hình quản trị điều hành.

Thứ ba, chất lượng đội ngũ nhân sự ngày càng cao.

Nâng cao chất lượng tuyển dụng đầu vào

Bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu dài hạn và khuyến khích

tự đào tạo:

Nâng cao phẩm chất đạo đức cán bộ:

Thứ tư, áp dụng mô hình chấm điểm khách hàng

Tư cách người vay (Character)

Năng lực của người vay (Capacity)

Thu nhập của người vay (Cash)

> **Nhóm chỉ tiêu thanh khoản** (Liquidity ratios)

> **Nhóm chỉ tiêu đòn cân nợ** (Leverage ratios)

> **Nhóm chỉ tiêu hoạt động** (Activity ratios)

> **Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời** (Profitability ratios)

Bảo đảm tiền vay (Collateral)

Điều kiện khác (Conditions)

Kiểm soát (Control)

Bảng 2.3.Xếp loại doanh nghiệp tại Chi nhánh NHTMCP CT**Quảng Nam**

Hạng	Loại	Tình trạng	Mức độ rủi ro
AA+	Tối ưu	Tình hình tài chính lành mạnh	Thấp nhất
AA	Loại ưu	Tình hình tài chính lành mạnh	Thấp
AA-	Loại tốt	Tình hình tài chính ổn định nhưng có những hạn chế nhất định	Thấp
BB+	Loại khá	Tình hình tài chính ổn định trong ngắn hạn do có một số hạn chế về tài chính và năng lực quản lý	Trung bình
BB	Trung bình khá	Tiềm lực tài chính trung bình, có những nguy cơ tiềm ẩn khả năng trả nợ thấp hơn khách hàng loại BB+	Trung bình
BB-	Trung bình	Khả năng tự chủ tài chính thấp, dòng tiền biến động theo chiều hướng xấu, hiệu quả hoạt động kinh doanh không cao.	Cao
CC+	Dưới trung bình	Hiệu quả hoạt động thấp, kết quả kinh doanh nhiều biến động	Cao
CC	Loại xa dưới TB	Hiệu quả hoạt động thấp, tài chính yếu kém	Rất cao
CC-	Kém	Hiệu quả hoạt động rất thấp, bị thua lỗ, Ngân hàng mất nhiều thời gian và công sức để thu hồi vốn vay	Rất cao
C	Thấp kém	Tài chính yếu kém, có nợ khó đòi	Đặc biệt cao

Bảng 2.4. Tổng hợp điểm phi tài chính của Công ty A

STT	Chỉ tiêu	Điểm số	Trọng số	Tích số
1	Lưu chuyển tiền tệ	80	20%	16
2	Năng lực và kinh nghiệm quản lý	100	33%	33
3	Tình hình và uy tín GD với NHCT	89	33%	29,37
4	Môi trường kinh doanh	94	7%	6,58
5	Các đặc điểm hoạt động khác	61	7%	4,27
Tổng cộng				89,22

Thứ năm, quy trình cho vay và quản lý tín dụng ngày càng chặt chẽ.

Thực hiện giám sát trước khi cho vay;

Thực hiện giám sát trong khi cho vay;

Thực hiện giám sát sau khi cho vay;

Tuân thủ đúng qui định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng

Bảng 2.5. Phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro năm 2009 tại Chi nhánh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư nợ	Dự phòng cụ thể phải trích	Dự phòng chung phải trích
Nợ nhóm 1	725.250	0	5.439
Nợ nhóm 2	0	0	0
Nợ nhóm 3	0	0	0
Nợ nhóm 4	0	0	0
Nợ nhóm 5	3.103	3.103	0
Tổng cộng	728.353	3.103	5.439

2.3 NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CHI NHÁNH NHTMCP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM

2.3.1 Những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng *Việc tuân thủ chính sách tín dụng chưa triệt để.*

Bảng 2.6. Cơ cấu dư nợ theo thành phần kinh tế

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
DNNN	219	255	298
<i>Tỷ lệ</i>	42,3%	44,%	40,9%
DNNQD	298	314	430
<i>Tỷ lệ</i>	57,7%	55,%	59%
Tổng cộng	517	569	728

*Mô hình quản trị rủi ro tín dụng còn nhiều yếu tố cảm tính
Mô hình phụ thuộc nhiều vào báo cáo tài chính của khách hàng
Việc ứng dụng mô hình phụ thuộc vào tính chủ quan của cán bộ tín dụng*

*Bộ phận kiểm toán nội bộ chưa phát huy hết vai trò
Chất lượng thông tin trong phân tích tín dụng còn kém.
Công tác giám sát sau khi cho vay chưa hiệu quả.*

2.3.2 Nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng

2.3.2.1 Nguyên nhân xuất phát từ phía Chi nhánh NHTMCP Công Thương Quảng Nam

*Lạm dụng tài sản thế chấp
Chất lượng đội ngũ chưa đáp ứng nhu cầu hội nhập
Bởi các lý do:*

*Năng lực quản trị điều hành còn nhiều hạn chế:
Nạn “chảy máu chất xám”*

- *Trình độ cán bộ nghiệp vụ còn hạn chế*
- *Rủi ro đạo đức cán bộ vẫn tồn tại*

Hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro còn lạc hậu.

2.3.2.2 Nguyên nhân từ phía các cơ quan quản lý.

Do hệ thống thông tin vừa thiếu và yếu, chất lượng và khả năng tiếp cận thông tin còn nhiều hạn chế như hiện nay nên việc quản trị rủi ro tín dụng còn nhiều khó khăn.

Nhà nước chưa có quy định và chế tài nghiêm khắc về việc minh bạch thông tin như buộc các doanh nghiệp phải kiểm toán báo cáo tài chính đúng thời gian quy định và công khai thông tin tài chính của họ.

Cho đến nay, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN đã có những đổi mới cơ bản, hướng dẫn việc phân loại nợ và trích lập DPRR theo các chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, quyết định này còn một số hạn chế ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh như sau:

Về tiêu chí phân loại nợ: nhóm nợ chưa thực sự phản ánh đúng chất lượng tín dụng.

Về cơ sở tính DPRR: Quyết định 493 đã tính đến giá trị tài sản đảm bảo trong công thức tính toán dự phòng cụ thể, nhưng dự phòng cụ thể của các nhóm nợ vẫn được tính theo tỷ lệ dự phòng cố định, nghĩa là các khoản nợ thuộc cùng một nhóm thì áp dụng cùng một tỷ lệ trích lập dự phòng.

Về thời điểm trích lập dự phòng cho quý IV là dựa vào số dư cuối ngày 30/11: Số dự phòng được tính toán tại 30/11 sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nhưng không phản ánh chính xác mức độ rủi ro và chất lượng tín dụng tại thời điểm lập báo cáo.

Về cơ sở tính dự phòng chung: Theo quy định hiện tại là 0,75% tổng dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4. Như vậy, dư nợ các nhóm 2,3,4 được tính dự phòng 2 lần.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CN NHTMCP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM

3.1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG CHI NHÁNH NHTMCP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM GIAI ĐOẠN 2009 – 2013

3.1.1 Những cơ hội và thách thức đối với Chi nhánh NHTM CP Công thương Quảng Nam trong điều kiện hội nhập.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, đây là cơ hội cho Chi nhánh tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, tranh thủ được vốn, kinh nghiệm quản lý từ các nước có trình độ phát triển cao về tính chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ ngân hàng, và có nhiều cơ hội hơn để khai thác và sử dụng có hiệu quả ưu thế của các mô hình ngân hàng tập đoàn đa năng, hoạt động không chỉ trong phạm vi nội địa mà ngày càng có tính đa quốc gia tạo tiền đề cho hệ thống NHTMCP CTVN vươn ra thị trường quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế, Chi nhánh có điều kiện đào tạo đội ngũ cán bộ ngân hàng có trình độ chuyên môn cao tăng cường nguồn lực trí tuệ đáp ứng nền văn minh ngân hàng, tạo điều kiện chuyên môn hoá sâu hơn các nghiệp vụ ngân hàng, tăng hiệu quả sử dụng vốn, phát triển dịch vụ ngân hàng tiên tiến.

Song song với những thuận lợi thì Chi nhánh cũng đang đầu vào với những khó khăn thách thức. Thách thức lớn nhất đối với việc mở rộng và phát triển tín dụng trong nền kinh tế hội nhập đó là nền tảng kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng còn thấp kém, cơ sở hạ tầng, công nghệ, luật pháp, tổ chức và trình độ quản lý còn hạn

chế so với các nước trong khu vực và thế giới trong khi đó mở cửa có nghĩa phải chấp nhận luật chơi chung, bình đẳng áp dụng cho tất cả các nước.

Thách thức không nhỏ đối với NHTM cũng như đối với Chi nhánh là vai trò của nhóm ngân hàng nước ngoài ngày càng tăng nhờ sức mạnh về vốn, công nghệ, dịch vụ và quy mô hoạt động toàn cầu.

Một thách thức đáng kể nữa là khả năng chảy máu chất xám tại chỗ.

3.1.2 Định hướng phát triển tín dụng Chi nhánh NHTM CP Công thương Quảng Nam giai đoạn 2009-2013.

NHTMCP CTVN đã chủ động đề ra các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp đến năm 2013 như nguồn vốn huy động tăng 10-15%, dư nợ và đầu tư đối với nền kinh tế tăng 15-20% so với năm trước, vốn tự có trên tổng tài sản có trên 8%, khả năng sinh lời (ROE) 12-14%, tỷ lệ nợ nhóm 3,4 và 5 dưới 2,5% tổng dư nợ.

Đối với Chi nhánh, phát triển tín dụng hiệu quả-an toàn-bền vững là định hướng tín dụng trọng tâm, xuyên suốt của Chi nhánh trong giai đoạn từ 2009-2013 với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 25%.

Vốn tín dụng đến năm 2013 dự kiến trên 1.000 tỷ thực sự góp phần phát triển kinh tế, tăng đầu tư vào các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu có hiệu quả.

Chính sách tín dụng tập trung đầu tư cho vay theo chiều sâu, cho vay vốn trung dài hạn các doanh nghiệp đầu tư mới, cải tiến kỹ thuật đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường ...

Chi nhánh thực hiện cơ cấu dư nợ các doanh nghiệp có đầu hiệu rủi ro..

3.2 GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CHI NHÁNH NHTMCP CÔNG THƯƠNG QUẢNG NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP.

3.2.1 Giải pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành

Chi nhánh cần phải quan tâm đầu tư thời gian và sức lực để hoạch định chiến lược quản trị rủi ro sao cho an toàn và hiệu quả.

Ban điều hành phải xác định và điều chỉnh định kỳ chính sách tín dụng, chiến lược kinh doanh tín dụng cũng như chiến lược rủi ro tín dụng, khả năng chấp nhận rủi ro tín dụng một cách phù hợp với quy mô, sự phức tạp và khả năng quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng.

Việc quản trị rủi ro tín dụng, Chi nhánh cần thực hiện thông qua việc xây dựng danh mục đầu tư để phân tán rủi ro, tránh việc đầu tư thái quá vào một ngành nghề cụ thể để hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra đồng thời đạt được mục tiêu lợi nhuận.

- Đa dạng phương thức cho vay
- Đa dạng hóa khách hàng
- Thực hiện bảo hiểm tín dụng
- Đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư.

3.2.2 Giải pháp về nguồn nhân lực

Trước hết, để nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng tại Chi, Chi nhánh cần mời các chuyên gia về pháp lý đến giảng, trao đổi kinh nghiệm trong các tình huống, vụ án liên quan đến lĩnh vực ngân hàng để cán bộ có thêm kinh nghiệm, hiểu thêm về pháp luật, quyết định cho vay được an toàn.

Thứ hai, phải nâng cao chất lượng chuyên nghiệp của cán bộ cũng như tập trung xây dựng thương hiệu cho ngân hàng.

Thứ ba, hạn chế rủi ro đạo đức bằng cách gắn trách nhiệm với quyền lợi của cán bộ làm công tác tín dụng.

Thứ tư, chuẩn hóa cán bộ tín dụng: Do vậy, để hạn chế rủi ro trong công tác tín dụng ngay từ khâu tuyển dụng cán bộ làm công tác tín dụng cần phải chặt chẽ và cần có một số tiêu chuẩn cơ bản .

3.2.3 Các giải pháp khác

Thực hiện đúng qui trình tín dụng:

Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng

Nâng cao vai trò và chất lượng công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ:

Xây dựng và khai thác có hiệu quả thông tin trong hoạt động tín dụng:

Thu thập thông tin về khách hàng

Thu thập thông tin về thị trường

Phân tích và xử lý thông tin

Nâng cao chất lượng giám sát tín dụng:

Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại:

Hoàn thiện mô hình chấm điểm, xếp loại khách hàng:

3.3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

3.3.1 Kiến nghị với Ngân hàng Nhà Nước

- Để trung tâm CIC hoạt động hiệu quả, NHNN cần đưa ra chế tài nhằm nâng cao trách nhiệm của các ngân hàng trong việc cung cấp thông tin về khách hàng có quan hệ tín dụng một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác để.

- NHNN phải thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ về mục tiêu và định hướng của ngành giúp cán bộ nhận thức và tự có ý thức phải rèn luyện và học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu hội nhập.

- Nhằm giảm bớt lượng giao dịch bằng tiền mặt, NHNN cần có các chính sách khuyến khích trong việc thanh toán bằng

chuyển khoản.

- NHNN cần phải xây dựng khuôn khổ pháp lý cho các nghiệp vụ phái sinh như Hợp đồng quyền tín dụng (Credit options), Hợp đồng trao đổi các khoản tín dụng rủi ro.

- NHNN cần đổi mới cách trích lập dự phòng rủi ro

- Tạo điều kiện và hỗ trợ cho các NHTM trong việc xây dựng mối liên hệ với nhau, giữa các ngân hàng với các định chế tài chính phi ngân hàng và với các định chế tài chính khác.

3.3.2 Kiến nghị với các ban ngành có liên quan

- Cần tích cực xây dựng và có các biện pháp khuyến khích việc phát triển các thể chế. Bên cạnh đó, việc khuyến khích thành lập các hội ngành nghề sẽ tạo sự gắn kết.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động và chia sẻ thông tin sẽ giúp cho việc giải quyết các thủ tục hành chính được nhanh gọn, giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp và ngân hàng. Các cơ quan hữu quan cần có cơ chế phối hợp cung cấp thông tin để việc đánh giá, ra quyết định tín dụng của ngân hàng được chính xác.

- Cần chú trọng chủ động sự tăng cường phối hợp với NHNN trong việc ban hành các định hướng phù hợp nhất trong việc thực hiện biện pháp xử lý nợ tồn đọng và trích lập dự phòng rủi ro.

- Kịp thời phối hợp các ngành liên quan xử lý những vấn đề pháp lý phức tạp trong việc quản lý đất đai, quy hoạch xây dựng.

KẾT LUẬN

Hoạt động ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh ẩn chứa nhiều rủi ro, nhất là rủi ro tín dụng và những rủi ro này gây nên sự bất định không mong đợi đối với các NHTM, và nó có thể gây nên sự đổ vỡ dẫn đến phá sản gây thiệt hại cho nền kinh tế.

– Qua việc nghiên cứu các khái niệm và quan điểm theo chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro tín dụng, luận văn xây dựng khái niệm và quan điểm về quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM nói chung, tại Chi nhánh NHTMCP Công thương Quảng Nam nói riêng.

– Lĩnh vực ngân hàng đang cạnh tranh gay gắt trong điều kiện hội nhập ngày nay, với tốc độ tăng vốn ô ạt của các NHTM hiện nay làm lĩnh vực này ngày càng trở nên phức tạp, các nguy cơ rủi ro và rủi ro tín dụng cũng gia tăng. Đòi hỏi các NHTM cần phải tích cực chủ động nghiên cứu và triển khai các chính sách quản trị rủi ro tín dụng một cách chặt chẽ và có hệ thống để đảm bảo theo đuổi các mục tiêu kinh doanh một cách có hiệu quả trong môi trường cạnh tranh này.

